

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2011/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 29 tháng 8 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành Quy định tỷ lệ % để tính tiền
thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2011/NQ-HĐND ngày 18 tháng 8 năm 2011 của HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 2 về Quy định tỷ lệ % để tính tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tỷ lệ % để tính tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND ngày 17/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định; Giám đốc các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lê Hữu Lộc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về tỷ lệ % để tính tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND

ngày 29/8/2011 của UBND tỉnh)

Tỷ lệ % để tính tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định được quy định như sau:

I. Phạm vi áp dụng.

Tỷ lệ % quy định tại phần II của Quy định này được áp dụng để tính tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ; không áp dụng để tính tiền thuê đất tại các địa bàn thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội.

II. Đối tượng áp dụng

Tỷ lệ % để tính tiền thuê đất được quy định

1. Quy định Nhóm địa bàn và Lĩnh vực ngành nghề sản xuất, kinh doanh:

a. Nhóm địa bàn: gồm 03 nhóm

- Nhóm 1: Các huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân và xã Nhơn Châu của thành phố Quy Nhơn.

- Nhóm 2: Các huyện Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn.

- Nhóm 3: Các huyện Tuy Phước, An Nhơn và thành phố Quy Nhơn.

b. Lĩnh vực ngành nghề sản xuất, kinh doanh: gồm 05 lĩnh vực

- Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp hoặc đầu tư sản xuất kinh doanh trong các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Điểm công nghiệp - TTCN mà Nhà nước trực tiếp đầu tư hạ tầng (gọi tắt là Khu, Cụm, Điểm công nghiệp).

- Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng thủy hải sản (gọi tắt là sản xuất nông nghiệp).

- Sản xuất nằm ngoài Khu, Cụm, Điểm công nghiệp không kể sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng thủy hải sản (gọi tắt là sản xuất phi nông nghiệp nằm ngoài Khu, Cụm, Điểm công nghiệp); trong đó có phân theo lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

- Hoạt động khai thác khoáng sản gồm: đất, cát, sỏi, đá và vàng, titan, đá granite và các khoáng sản khác (gọi tắt là hoạt động khoáng sản).

- Dịch vụ, thương mại, du lịch nằm ngoài Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (gọi tắt là dịch vụ, thương mại, du lịch); trong đó có phân theo lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

2. Giá đất áp dụng để tính tiền thuê đất theo giá đất sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường.

3. Tỷ lệ % tính tiền thuê đất được quy định như sau:

TT	Mục đích sử dụng đất	Tỷ lệ % tính tiền thuê đất		
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Khu, Cụm, Điểm công nghiệp	0,75	0,8	1,0
2	Sản xuất nông nghiệp	0,75	0,75	0,75
3	Sản xuất phi nông nghiệp nằm ngoài Khu, Cụm, Điểm công nghiệp:			
a	Dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi và đặc biệt ưu đãi đầu tư	0,75	0,8	1,2
b	Dự án không thuộc lĩnh vực ưu đãi và đặc biệt ưu đãi đầu tư	0,8	1,0	1,5
4	Hoạt động khai thác khoáng sản:			
a	Đất, đá, cát, sỏi.	1,5	2,0	2,5
b	Khoáng sản khác như: Vàng, titan, đá granite...	3,0	3,0	3,0
5	Dịch vụ, thương mại, du lịch:			
a	Dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi và đặc biệt ưu đãi đầu tư	0,75	1,0	1,5
b	Dự án không thuộc lĩnh vực ưu đãi và đặc biệt ưu đãi đầu tư	1,0	1,2	1,8

4. Trường hợp các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh khác với mục đích sản xuất, kinh doanh ban đầu thì tỷ lệ % tính tiền thuê đất để thu tiền thuê đất được xác định theo lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thực tế.

5. Đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng đất của Nhà nước dưới hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm mà cho thuê lại thì tỷ lệ % tính tiền thuê đất được tính là 3% đối với diện tích đất cho thuê lại./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lê Hữu Lộc